

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TM94056: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN TRÊN CƠ SỞ CỘNG ĐỒNG
(COMMUNITY-BASED RESOURCES MANAGEMENT)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 4
- Tín chỉ: **03 tín chỉ (Lý thuyết: 3 Thực hành: 0 - Tự học: 9)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 17 tiết
 - + Tiểu luận - thuyết trình theo nhóm: 22 tiết
 - + Seminar/ thảo luận trên lớp: 6 tiết
 - + E-learning: Chuẩn bị bài ở nhà và thảo luận trên forum
- Tự học: 135 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Sinh thái nông nghiệp
 - Khoa: Tài nguyên và Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Cơ sở ngành ☐		Chuyên sâu ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒

- Học phần học song hành: không
- Học phần tiên quyết: Sinh thái & Môi trường
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần
*** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:**

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chung	
CDR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Tài nguyên và môi trường	1.3. Áp dụng sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Khoa học môi trường.
Kiến thức chuyên môn	
CDR2: Áp dụng phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu khoa học vào lĩnh vực môi trường.	2.1. Áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Khoa học môi trường
CDR4: Đề xuất các giải pháp quản lý môi trường hiệu quả và bền vững.	4.2. Đề xuất các giải pháp quản lý môi trường theo quy định bảo vệ môi trường quốc gia và quốc tế phục vụ phát triển bền vững.
Kỹ năng chung	
Kỹ năng chuyên môn	

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
CĐR6: Sử dụng thành thạo các thiết bị, kỹ năng chuyên môn để phục vụ hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực Khoa học môi trường.	6.1 Sử dụng thành thạo kỹ năng điều tra, thu thập, xử lý thông tin để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Khoa học môi trường.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR7: Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực khoa học môi trường.	7.1. Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, có đạo đức nghề nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

*** Mục tiêu:**

- Về kiến thức: Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng bao gồm các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý tài nguyên; đặc điểm của các hình thức sở hữu và nguyên nhân cần thiết phải thực hiện quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng.
- Về kỹ năng: Học phần rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng và công cụ trong lập kế hoạch quản lý tài nguyên có sự tham gia của cộng đồng.
- Về thái độ: Học phần rèn luyện cho sinh viên năng lực chủ động học tập và cập nhật kiến thức.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho chỉ báo CĐR của CTĐT					
TM94056	QLTN trên cơ sở cộng đồng	1.3	2.1	4.2	6.1	7.1	8.1
		P	R	R	P	P	P

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT Nội dung chỉ báo
Kiến thức		
K1	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý tài nguyên và sự cần thiết phải QLTN trên cơ sở cộng đồng.	1.3. Áp dụng sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Khoa học môi trường.
K2	Phân tích các trường hợp nghiên cứu QLTN từ đó xây dựng kế hoạch QLTN trên cơ sở cộng đồng	2.1. Áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Khoa học môi trường
K3	Lập kế hoạch quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	4.2. Đề xuất các giải pháp quản lý môi trường theo quy định bảo vệ môi trường quốc gia và quốc tế phục vụ phát triển bền vững.
Kỹ năng		
K4	Thu thập, xử lý số liệu, viết báo cáo, thuyết trình bài giữa kỳ	6.1 Sử dụng thành thạo kỹ năng điều tra, thu thập, xử lý thông tin để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Khoa học môi trường.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Làm việc nhóm trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập	7.1. Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, có đạo đức nghề nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

K6	Xây dựng định hướng học tập và cập nhật kiến thức.	Chỉ báo 8.1. Thể hiện thói quen tự học , tự nghiên cứu , nâng cao trình độ chuyên môn .
----	--	--

III. Nội dung tóm tắt của học phần

TM94056. Quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng (Community-based resources management). (3TC: 3-0-9). Học phần này giới thiệu chung về quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng, bao gồm các hình thức sở hữu tài nguyên và ảnh hưởng của từng hình thức sở hữu đến hiệu quả quản lý tài nguyên, nguyên nhân cần phải thực hiện quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng; Các yếu tố, điều kiện cần thiết để quản lý tài nguyên trên cơ sở thành công; Các nghiên cứu trường hợp điển hình; Lập kế hoạch quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên giảng đường tập trung.
- Seminar và thảo luận: chia thành các nhóm chuyên đề; trong mỗi nhóm để sinh viên tự phân chia nội dung riêng cho các thành viên viết tiểu luận; tổ chức trình bày seminar chung cho các nhóm.

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc tài liệu, giáo trình theo hướng dẫn của giảng viên
- Sinh viên tham gia nghe giảng, trao đổi trên lớp
- Sinh viên tự viết báo cáo tiểu luận, tham gia trình bày nhóm.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự ít nhất 75% tổng số tiết học (để đạt điểm chuyên cần và được phép dự thi cuối kỳ).
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tổng quan các tài liệu do giảng viên cung cấp, làm bài tập, bài trình bày, thảo luận nhóm do giảng viên yêu cầu.
- Thi giữa kỳ: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải thảo luận và thuyết trình theo nhóm theo một số chủ đề liên quan.
- Thi cuối kì: đề thi được xây dựng theo quy định (sinh viên được phép sử dụng tài liệu).

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Tuần học
Đánh giá quá trình			
Tham dự lớp	K1, K2, K3, K6	10	1-10
Quá trình làm bài giữa kỳ	K4, K5, K6	20	2-10
Thuyết trình giữa kỳ	K3, K4, K5, K6	20	6-9
Đánh giá cuối kì			
Thi cuối môn học	K1, K2, K3	50	Thi theo lịch

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1	Chỉ báo 1. Trình bày các loại tài nguyên và hiện trạng sử dụng tài nguyên
	Chỉ báo 2. Phân tích các hình thức sở hữu, đặc điểm của từng hình thức sở hữu và ảnh hưởng của chúng đến hiệu quả quản lý tài nguyên
	Chỉ báo 3. Trình bày về cộng đồng: đặc điểm, tính chất; vai trò của cộng đồng trong quản lý tài nguyên; các phong tục tập quán, kiến thức bản địa trong QLTN
	Chỉ báo 4. Trình bày quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng: Khái niệm và một số nguyên tắc, đặc điểm cơ bản; (2) Kiến thức bản địa; (3) Phong tục tập quán;
	Chỉ báo 5. Trình bày quyền và hình thức sở hữu TNTN ở Việt Nam; sự phù hợp; ưu nhược điểm của từng hình thức.
	Chỉ báo 6. Phân tích nhược điểm của hình thức sở hữu chung, phương pháp hạn chế
	Chỉ báo 7. Phân tích vai trò của phong tục tập quán trong bảo vệ và quản lý tài nguyên ở một số dân tộc - Ứng dụng trong quản lý tài nguyên
	Chỉ báo 8. Ứng dụng phương thức quản lý một số tài nguyên chính của một số dân tộc ở nước ta
	Chỉ báo 9. Trình bày cơ sở pháp lý cho quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng ở Việt Nam – quy định trong một số luật – tình hình thực hiện
K2	Chỉ báo 10. Phân tích hiện trạng tài nguyên đất/ rừng và các vấn đề liên; Các hình thức sử dụng và quản lý tài nguyên đất/ rừng; quản lý đất/ rừng trên cơ sở cộng đồng
	Chỉ báo 11. Phân tích hiện trạng tài nguyên nước và các vấn đề liên quan; Các hình thức sử dụng và quản lý tài nguyên nước; quản lý TNn trên cơ sở cộng đồng
	Chỉ báo 12. Phân tích hiện trạng tài nguyên văn hóa và các vấn đề liên; Các hình thức sử dụng và quản lý tài nguyên văn hóa; quản lý TN văn hóa trên cơ sở cộng đồng
K3	Chỉ báo 13. Phân tích hiện trạng, nguyên nhân của thất bại và thành công các trường hợp nghiên cứu về quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng
	Chỉ báo 14. Đề xuất các giải pháp và xây dựng kế hoạch quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng

Rubric 1: Tham dự lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Thời gian tham dự	50	Tham dự 85-100% số buổi học	Tham dự 65-84% số buổi học	Tham dự 40-64 % số buổi học	Tham dự dưới 39 % số buổi học
Tham gia thảo luận đóng góp ý kiến	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động Tham gia thảo luận, trả lời câu hỏi ít nhất 4 lần trở lên	Khá chú ý, có tham gia thảo luận, trả lời câu hỏi ít nhất 2 lần trở lên	Có chú ý, không tích cực tham gia thảo luận	Không chú ý/ không tham gia thảo luận

Rubric 2. Quá trình làm bài giữa kỳ (do thành viên trong nhóm đánh giá chéo)

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thời gian tham dự	50	Tham dự 85-100% số buổi họp nhóm	Tham dự 65-84% số buổi họp nhóm	Tham dự 40-64 % số buổi họp nhóm	Tham dự dưới 39 % số buổi họp nhóm
Đóng góp trong quá trình làm đề án	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động xây dựng và đóng góp ít nhất 25% tổng công việc của nhóm Tham dự đủ 100% số buổi thực địa và làm việc nhóm	Khá chú ý, có tham gia xây dựng và đóng góp ít nhất 10% tổng công việc của nhóm Tham dự 85-100% số buổi làm việc nhóm	Chú ý, tham gia vào quá trình làm việc nhóm Tham dự 65-85% số buổi làm việc nhóm	Không chú ý/không tham gia đóng góp công việc của nhóm Tham dự dưới 65 % số buổi làm việc nhóm

Rubric 3: Thuyết trình giữa kỳ

Tiêu chí	Trọng số (%)	Mức chất lượng			
		Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Nội dung	40	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
Trình bày báo cáo	10	Mạch lạc, rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Thiếu rõ ràng
	10	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận không có căn cứ khoa học và logic
Tương tác với người nghe	10	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác
	10	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số các câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những	Trả lời đúng đa số các câu hỏi đặt đúng, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời sai đa số các câu hỏi đặt đúng

			câu hỏi chưa trả lời được		
Sự phối hợp trong nhóm	20	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- *Nộp bài tập chậm*: Tất cả các trường hợp nộp bài tập chậm sẽ bị trừ 50% điểm chuyên cần và điểm của bài tập đó cho mỗi ngày nộp chậm
- *Không tham gia quá trình làm bài giữa kỳ*: Không tham gia đóng góp bài giữa kỳ sẽ không được tham gia thuyết trình
- *Không làm bài giữa kỳ*: không tham gia bài tập nhóm 0 điểm và không được thi cuối kỳ
- *Điểm thi cuối kỳ*: Không tham gia thi cuối kỳ (và không có lý do được chấp thuận theo QĐ hiện hành): điểm 0.
- *Yêu cầu về đạo đức*: Tôn trọng ý kiến khác biệt và có ý thức được trách nhiệm của mình trong nhóm và tập thể.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

1. Giáo trình: Quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng (2023). Đinh Thị Hải Vân, Võ Hữu Công, Phan Thị Thúy, Nguyễn Thị Hồng Ngọc. NXB Học viện Nông nghiệp.
2. Giáo trình Tài nguyên thiên nhiên (2012). Nguyễn Thị Hồng Ngọc Đoàn Văn Điềm, Nguyễn Thu Thùy, Ngô Thị Dung. NXB Nông nghiệp

* Tài liệu tham khảo khác:

1. Phan Thị Thúy, Nông Hữu Dương. (2024). A Pilot Model of Community-based Forest Management in Xuan Nha Nature Reserve, Son La Province, Vietnam. Forest and Society, Vol. 8 No. 1 (2024): JUNE Jan 15, 2024. <https://journal.unhas.ac.id/index.php/fs/article/view/27487>
2. Ngoc Nguyen Thi Hong and Yokoyama. 2019. Driving forces for livelihood structure changes in Vietnam's northwestern mountainous region: A case study on Yen Chau district, Son La province. Tropics, 27 (4), 81-97.
3. Phan Thị Thúy, Nguyễn Thị Tuyết Lan, Phạm Thành Nam (2016). Comparing the Effectiveness Between Payment for Environmental Services (PES) and a Local Compensation System on Conservation of Special-Use Forests, Son La Province, Vietnam. TROPICULTURA Vol. 34, no. s. pp. 74 – 85; /
4. Phan Thị Thúy, Dương Thị Huyền, Nguyễn Thị Tuyết Lan, Nguyễn Thu Thùy (2019). Đánh giá hiệu quả của việc khoán bảo vệ tại rừng đặc dụng Xuân Nha và Thượng Tiến. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam 2019, 17(3): 216-227; www.vnua.edu.vn;
5. Hoàng Văn Quynh (2015) Luật tục bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường ở Việt Nam (Qua Luật tục của một số dân tộc thiểu số ở Tây Bắc và Tây Nguyên). Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Xã hội và Nhân văn, Tập 31, Số 3 (2015) 71-79
6. Dyer, J, Stringer, LC, Dougill, AJ et al. (11 more authors) (2014) Assessing participatory practices in community-based natural resource management: experiences in community engagement from southern Africa. Journal of Environmental Management, 137. 137 - 145. ISSN 0301-4797. <http://isiarticles.com/bundles/Article/pre/pdf/47089.pdf>

7. Dilys Roe, Fred Nelson and Chris Sandbrook (2009). Community management of natural resources in Africa: Impacts, experiences and future directions. published by the International Institute for Environment and Development (UK). <https://pubs.iied.org/pdfs/17503IIED.pdf>
8. Hoàng Văn Quỳnh (2015) Luật tục bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường ở Việt Nam (Qua Luật tục của một số dân tộc thiểu số ở Tây Bắc và Tây Nguyên). Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Xã hội và Nhân văn, Tập 31, Số 3 (2015) 71-79
9. Nguyễn Thu Thùy và Misa Masuda (2018). Land Use After Forestland Allocation and the Potential for Farm Forestry in a Mountainous Region of Northeast Vietnam. https://www.researchgate.net/publication/324995128_Land_Use_After_Forestland_Allocation_and_the_Potential_for_Farm_Forestry_in_a_Mountainous_Region_of_Northeast_Vietnam

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1-2	Chương 1: Giới thiệu chung về quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (7 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (5 tiết) 1.1. Khái niệm và phân loại tài nguyên 1.2. Khái niệm và đặc tính của cộng đồng 1.3. Quản lý tài nguyên và quyền sở hữu 1.4. Quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng Nội dung semina/thảo luận/Project/ E-learning: (2 tiết) 1.5. Mối liên quan giữa sở hữu và hiệu quả quản lý tài nguyên	K1, K2, K6
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (21 tiết) 1.6 Sinh viên đọc trước tài liệu liên quan đến tài nguyên, đặc tính chung của cộng đồng, các hoạt động quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng	K1, K2, K6
2-3	Chương 2: Quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng ở Việt Nam	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (8 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết (4 tiết): 2.1. Quyền sở hữu tài nguyên ở Việt Nam 2.2. Hệ thống tổ chức quản lý môi trường 2.3. Luật tục của một số dân tộc trong quản lý tài nguyên - Cơ sở cho quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng Nội dung semina/thảo luận/Project/ E-learning: (4 tiết) 2.4. Quyền sở hữu và quản lý tài nguyên theo phong tục và luật tục của một số dân tộc 2.5. Một số cách thức quản lý các tài nguyên ở một số dân tộc 2.6. Quản lý tài nguyên dựa trên cơ sở cộng đồng ở Việt Nam kết hợp giữa luật pháp và luật tục 2.7. Cơ sở pháp lý trong quản lý các loại tài nguyên trên cơ sở cộng đồng	K1, K2, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (24 tiết) Sinh viên đọc tài liệu tìm hiểu về hệ thống quản lý môi trường và văn hóa của một số các dân tộc miền núi của Việt Nam. Sinh viên chuẩn bị các bài tập nhóm để thuyết trình.	K1, K2, K3, K5
4-7	Chương 3: Quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng nghiên cứu trường hợp	

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (15 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 3.1 Quản lý tài nguyên đất ở Việt Nam 3.2 Quản lý tài nguyên rừng trên cơ sở cộng đồng 3.3 Quản lý tài nguyên sinh vật trên cơ sở cộng đồng Nội dung semina/thảo luận/Project/ E-learning: (12 tiết) Sinh viên thực hiện thuyết trình các nội dung đã được chuẩn bị từ các tuần trước.	K3, K4, K5, K6
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (45 tiết) Sinh viên hoàn thiện các bài báo cáo để sẵn sàng thảo luận thuyết trình trên lớp.	K3, K4
7-10	Chương 4: Lập kế hoạch quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (15 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (5 tiết) 4.1. Xây dựng các báo cáo cơ bản 4.2. Xây dựng các báo cáo điều tra về cộng đồng 4.3. Lập kế hoạch quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng Nội dung tiểu luận – thuyết trình : (10 tiết) Xây dựng báo cáo về hiện trạng quản lý tài nguyên	K3, K4, K5, K6
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (45 tiết) Sinh viên đọc tài liệu các nội dung liên quan đến thuận lợi – khó khăn trong quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng, thực trạng quản lý này ở Việt Nam hiện nay.	K4, K6

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học phù hợp với học nhóm và thuyết trình: máy chiếu, bảng, bút dạ..
- Kết nối internet, E-learning.

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Bích Yên

P.TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Trần Quốc Vinh

Hà Nội, ngày... ..tháng ... năm 202

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Phan Thị Thúy

GIÁM ĐỐC




PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phan Thị Thúy	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ Môn Sinh thái Nông nghiệp, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0948 555 493
Email: phanthithuy@vnua.edu.vn	Website: http://tnmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: điện thoại, email và gặp trực tiếp	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Dương Thị Huyền	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Bộ Môn Sinh thái Nông nghiệp, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ:
Email: huyenduong@vnua.edu.vn	Website: http://tnmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: điện thoại, email và gặp trực tiếp	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Đinh Thị Hải Vân	Học hàm, học vị: Tiến Sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quản lý Môi trường, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0438760073
Email: dingthihaivan@vnua.edu.vn	Website: http://tnmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Gọi điện (trong giờ hành chính) hoặc email (trung lẫn ngoài giờ hành chính)	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Võ Hữu Công	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Công nghệ Môi trường, Khoa Tài Nguyên và Môi trường, Học Viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0981954624
Email: vhcong@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Gọi điện (trong giờ hành chính) hoặc email (trung lẫn ngoài giờ hành chính)	

CÁC LẦN CẢI TIẾN

(Đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện)

Lần 1- (Tháng 7/2024): Cải tiến chương trình đào tạo. Chính sửa chuẩn đầu ra của học phần và mức độ đóng góp của học phần cho CĐR CTĐT. Cập nhật nội dung học phần, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.

